TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:94/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2022
"*V/v yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Doãn Thị Lệ
2. Bà Nguyễn Thị Phi Khanh

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Yến-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh-Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc "*Yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Lương Y
Địa chỉ: Hẻm 1/118 đường T, tổ 1, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Tiến S
Địa chỉ: Hẻm 1/118 đường Tôn Thất Thuyết, tổ 1, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Bùi Thị Lương Y trình bày:

Bà với ông Trần Tiến S đã đăng ký kết hôn từ ngày 28-11-2005 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được và không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Hiện nay, bà cảm thấy không thể chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Tiến S.

Bà và Sơn có 02 con chung là cháu Trần Công Đ, sinh ngày 11-5-2007 và cháu Trần Đức M, sinh ngày 17-7-2009. Nguyện vọng của bà là muốn được trực tiếp nuôi cả 02 con và không yêu cầu ông Sơn phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Sơn không có tài sản chung và nợ chung nên bà không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Trần Tiến S: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Cho bà Bùi Thị Lương Y được ly hôn ông Trần Tiến S.

-Về con chung: Giao các con chung là cháu Trần Công Đ, sinh ngày 11-5-2007 và cháu Trần Đức M, sinh ngày 17-7-2009 cho bà Bùi Thị Lương Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

-Buộc bà Bùi Thị Lương Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự. Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Bùi Thị Lương Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Tiến S và giải quyết việc nuôi con chung. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là ông Trần Tiến S có nơi cư trú tại phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết.

Bị đơn là ông Trần Tiến S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Bùi Thị Lương Y và ông Trần Tiến S chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 28-11-2005 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Theo bà Yên trình bày thì quá trình chung sống, quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được và không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Hiện nay, bà cảm thấy không thể chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Tiến S.

[3] Xét nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa bà Y và ông S là do bất đồng quan điểm sống. Theo bà Y thì hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay, hiện nay vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau và cũng không có trách nhiệm gì với nhau. Hơn nữa, khi mâu thuẫn, bất đồng xảy ra thì không bên nào đưa ra được biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, làm cơ sở cho việc đoàn tụ. Tòa án cũng đã thông báo cho các bên đương sự tham gia phiên hòa giải để bà Y và ông S hòa giải đoàn tụ nhưng bà Y giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, ông S vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Từ nhận định trên thấy rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Yên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Yên và ông Sơn có có 02 con chung là cháu Trần Công Đ, sinh ngày 11-5-2007 và cháu Trần Đức M, sinh ngày 17-7-2009. Nguyện vọng của bà Y là muốn được trực tiếp nuôi cả 02 con và không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay bà Y là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con sau khi ly hôn. Cháu Trần Công Đ và cháu Trần Đức M có nguyện vọng ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Y, giao hai con chung cho bà Y tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con cho đến khi các con thành niên và có khả năng tự lập được.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà Y không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[6] Bà Yên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Lương Y.

1. Cho bà Bùi Thị Lương Y được ly hôn ông Trần Tiến S.

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu Trần Công Đ, sinh ngày 11-5-2007 và cháu Trần Đức M, sinh ngày 17-7-2009 cho bà Bùi Thị Lương Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Bà Bùi Thị Lương Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001705 ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Như vậy, bà Bùi Thị Lương Y đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND phường H, TP. P, Gia Lai (GCNKH số 109; QS 02/2005);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Rmah HThuyên